

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày 20 – 06 -2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Xuân
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 06 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 06 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 06 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H; Sinh ngày: 21/07/1984, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038184017724; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Duy T và bà: Lê Thị T1; Có chồng là Nguyễn Đình T2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/09/2024 đến ngày 17/09/2024, Bị tạm giam từ ngày 17/09/2024 đến ngày 06/12/2024, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh và C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn Q; Sinh ngày: 29/03/1995, tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Số căn cước công dân: 0333095004238; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Văn Đ và con bà: Nguyễn Thị B; Có vợ là Nguyễn Thị Hằng N và có 01 con sinh năm 2023; Tiền án: Không; Tiền sự:

không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/09/2024 đến ngày 17/09/2024, Bị tạm giam từ ngày 17/09/2024 đến ngày 14/01/2025, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh và C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Trà G; Sinh ngày: 27/09/2004, tại xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Số căn cước công dân: 015304001759; nghề nghiệp: Sinh viên; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L và con bà: Bùi Thị H2; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/09/2024 đến ngày 17/09/2024 sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Thu H1; Sinh ngày: 24/09/1995, tại xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Khôi T, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Số căn cước công dân: 015395009648; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L và con bà: Bùi Thị H2; có chồng là Cù Xuân T3 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/05/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Văn T4; Sinh ngày: 09/10/1991, tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; Số căn cước công dân: 030091003720; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Văn Đ1 và con bà: Vũ Thị L1; Có vợ là Đoàn Thị T5 và 01 con sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/09/2024 đến ngày 17/09/2024, Bị tạm giam từ ngày 17/09/2024 đến ngày 14/01/2025, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh và C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Q1 (N3)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H2 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Ngân hàng TMCP Đ2 (B1)

Địa chỉ: Số C H, tháp B1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T6 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

3. Ngân hàng TMCP H5 (M1)

Địa chỉ: Số E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L2 – Chức vụ: Tổng Giám đốc

4. Ngân hàng TMCP L6 (L7)

Địa chỉ: LPB T, số B T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Chức vụ: Tổng giám đốc

5. Ngân hàng TMCP N4 (V)

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T7 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

6. Ngân hàng TMCP V1 (V2)

Địa chỉ: Số H đường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Chí D là ông: Nguyễn Thành L3 – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thành L3 là ông Phùng Văn M – Phó giám đốc V2 chi nhánh T11.

Địa chỉ: Lô E + 06 đường P, phường Đ, thành Phố T, tỉnh Thanh Hóa.

7. Ngân hàng TMCP T12 (T13)

Địa chỉ: Số E đường L, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo Pháp luật ông Đỗ Minh P - chủ tịch HĐQT

8. Ngân hàng TMCP Q2 (MB)

Địa chỉ: Tòa nhà M, A L, phường T, quận C, TP .

Người đại diện theo pháp luật ông Lưu Trung T8 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

9. Ngân hàng TNHH một thành viên S1

Địa chỉ: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2, 3, 11, A Tòa nhà E, Số A - A H, phường Đ, Quận A, Tp ..

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở thông tin trình báo của chị Lê Thị Khánh L4, sinh năm 2004, trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cung cấp cho Công an huyện T về việc bị Nguyễn Thị H sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã T, huyện T thu thập, tạo lập trái phép tài khoản

ngân hàng mang tên mình. Trong ngày 08/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã triệu tập và làm việc với các đối tượng liên quan, trên cơ sở làm việc các đối tượng Nguyễn Thị H; Phạm Văn Q, sinh năm 1995 trú tại thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 2004 trú tại thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái và Vũ Văn T4, sinh năm 1991 trú tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương đã đầu thú, giao nộp các điện thoại di động của bản thân và khai báo về hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Nguyễn Thị H là chủ cửa hàng bán sim điện thoại “Thịnh Hoa” tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vào khoảng tháng 3 năm 2024, lợi dụng việc khách hàng cung cấp thông tin số căn cước công dân và xác thực nhận diện khuôn mặt trong quá trình mua sim và đăng ký thông tin sim chính chủ tại cửa hàng, Nguyễn Thị H đã thu thập thông tin khách hàng trái phép để mở tài khoản tại nhiều ngân hàng khác nhau (ngân hàng V3; N3, B1; M1, L7, VCB) nhằm mục đích bán những thông tin này thu lợi bất chính. Quá trình buôn bán, H có nghiên cứu về việc các nhân viên ngân hàng (V3; N3, B1; M1, L7, VCB, T13, MB...) cần chỉ tiêu mở tài khoản ngân hàng nên đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A25 5G gắn 02 số thuê bao 0868.632.382 và 0977.741.896 truy cập vào ứng dụng zalo tên tài khoản là “*Nguyenhoa*” kết bạn với Phạm Văn Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax gắn số thuê bao 0962.962.295 đăng ký tài khoản zalo “*Quang Phạm*”, Nguyễn Thị Trà G sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax gắn số thuê bao 0359.673.908 đăng ký tài khoản zalo “*Giang N1*” và Vũ Văn T4 sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo reno7 gắn số thuê bao 0389.916.999 đăng ký tài khoản zalo “*Thanh Vũ*”. Cụ thể: Nguyễn Thị H tham gia nhóm chat zalo “*Chạy app ngân hàng kiếm tiền online*” do Vũ Văn T4 làm trưởng nhóm, nhóm chat zalo “*CTV App ngân hàng*” do Nguyễn Thị Trà G làm trưởng nhóm và nhóm chat zalo “*Chạy app*” do Phạm Văn Q làm trưởng nhóm. Hằng ngày những người này sẽ cung cấp mã Code của nhân viên ngân hàng lấy chỉ tiêu tạo tài khoản mới đồng thời nhắn cách thức tạo tài khoản mới gồm: họ tên khách hàng, số tài khoản, số điện thoại đăng nhập để H làm các thao tác tạo lập tài khoản. Sau đó, Nguyễn Thị H lợi dụng việc khách hàng cung cấp thông tin số căn cước công dân và xác thực nhận diện khuôn mặt trong quá trình mua sim và đăng ký sim chính chủ, H sử dụng điện thoại của khách hàng để tải app của các ngân hàng (thường 3 đến 4 app ngân hàng khác nhau) sau đó nhập số điện thoại, các thông tin của khách hàng vào app. Tiếp đó, H tải ảnh 2 mặt căn cước công dân của khách hàng lên app theo yêu cầu. Khi đầy đủ thông tin thì ngân hàng sẽ gửi mã OTP về điện thoại khách hàng để xác nhận thì H nhập mã OTP vừa nhận vào app để đăng ký, lúc này tài khoản ngân hàng đã được đăng ký thành công ở điện thoại khách hàng thì H sử dụng điện thoại của mình chụp ảnh màn hình đã đăng ký thành công đồng thời xóa các app ngân hàng đã tải trước đó trên máy khách hàng (*mục đích*

để khách hàng không biết việc H đã tạo lập tài khoản). Sau khi làm xong H chuyển lại các hình ảnh bao gồm họ và tên, số điện thoại, số tài khoản, mã giới thiệu của nhân viên ngân hàng... qua zalo cho T4, G, Q để những người này chuyển lại cho các nhân viên ngân hàng cần chỉ tiêu. Khi nhân viên ngân hàng kiểm tra đúng các thông tin về tài khoản ngân hàng sẽ chuyển lại tiền qua tài khoản ngân hàng B1 cho Vũ Văn T4, tài khoản ngân hàng M2 cho Nguyễn Thị Trà G, tài khoản ngân hàng MB số 688222886 cho Phạm Văn Q, tùy vào từng tài khoản của từng ngân hàng dao động từ 45.000 đồng đến 100.000 đồng. Sau đó G, Q, T4 sẽ chuyển lại tiền tạo lập tài khoản cho H (H sử dụng 02 tài khoản để nhận tiền gồm: tài khoản ngân hàng M3 để nhận tiền do Nguyễn Thị Trà G chuyển, tài khoản ngân hàng V2 số 0385916999 để nhận tiền do Vũ Văn T4, Phạm Văn Q chuyển) đồng thời G, Q, T4 giữ lại khoản tiền chênh lệch tùy vào từng tài khoản và từng ngân hàng khác nhau mỗi số tài khoản được chuyển thành công thì Q, T4, G được hưởng từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng.

- Đối với Phạm Văn Q: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị H thông qua mạng xã hội zalo đã thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng cho Phạm Văn Q 367 thông tin về tài khoản ngân hàng có đầy đủ các nội dung họ và tên khách hàng, số điện thoại, số tài khoản, mã giới thiệu của nhân viên ngân hàng. Sau khi nhận các thông tin về tài khoản ngân hàng này Q đã chuyển hình ảnh về thông tin tài khoản ngân hàng cho các nhân viên ngân hàng cần chỉ tiêu. Quá trình điều tra xác định được Q đã chuyển cho Phạm Thị Tú A (sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên là nhân viên ngân hàng TMCP V1), Trần Thị T9 (sinh năm 1994, trú tại T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên là nhân viên ngân hàng TMCP V1) và một số nhân viên ngân hàng khác để lấy khoản chênh lệch từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng. Khoản tiền mà H được hưởng lợi từ việc thu thập thông tin về tài khoản ngân hàng với Phạm Văn Q là 20.391.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị Trà G: Từ ngày 06/7/2024 đến ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị H thông qua mạng xã hội zalo đã thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Thị Trà G 176 thông tin về tài khoản ngân hàng có đầy đủ các nội dung họ và tên khách hàng, số điện thoại, số tài khoản, mã giới thiệu của nhân viên ngân hàng. Sau khi nhận các thông tin do H chuyển đến, G đã chuyển toàn bộ các hình ảnh về thông tin tài khoản ngân hàng do H tạo lập cho Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1995, trú tại khối T, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. H1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax đăng nhập vào tài khoản zalo “H” để nhận các hình ảnh của G sau đó chuyển lại cho các nhân viên ngân hàng cần chỉ tiêu mà H1 đã thỏa thuận trước đó để đối soát. Với mỗi tài khoản ngân hàng được mở thành công, nhân viên ngân hàng sẽ chuyển lại tiền cho H1 nhận thông qua số tài khoản

V4 số 0611001915100 để Hà chuyển lại tiền cho G. Sau đó G trả cho H số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, bản thân G hưởng lợi từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng, H1 không được hưởng lợi mà chỉ giúp sức cho G thực hiện hành vi phạm tội. Khoản tiền mà H được hưởng lợi từ việc thu thập thông tin về tài khoản ngân hàng với Nguyễn Thị Trà G là 21.318.898 đồng.

- Đối với Vũ Văn T4: Từ ngày 21/3/2024 đến ngày 05/9/2024, H thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng cho Vũ Văn T4 84 thông tin tài khoản ngân hàng có đầy đủ các nội dung họ và tên khách hàng, số điện thoại, số tài khoản, mã giới thiệu của nhân viên ngân hàng để T4 chuyển hình ảnh về thông tin tài khoản ngân hàng cho các nhân viên ngân hàng trong đó có Nguyễn Thị Ngọc Y (sinh năm 1989, trú tại khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương là nhân viên ngân hàng V2) và một số nhân viên ngân hàng khác để lấy khoản chênh lệch 5.000 đồng đến 10.000 đồng tùy vào từng tài khoản sau khi đã chuyển tiền tạo lập tài khoản cho H. Khoản tiền mà H được hưởng lợi từ việc thu thập thông tin về tài khoản ngân hàng với Vũ Văn T4 là 15.795.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ của Nguyễn Thị H, Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G, Vũ Văn T4, Nguyễn Thị Thu H1, đồng thời trích xuất hình ảnh các thông tin về tài khoản ngân hàng liên quan đến việc thu thập, mua bán thông tin về tài khoản ngân hàng giữa H và Q, G, T4, H1. Ngoài ra, các điện thoại đã được đưa đi giám định. Kết luận giám định số 1105/KL-KTHS ngày 24/02/2025 của V5 Bộ C1 và kết luận giám định số 1639/KL-KTHS ngày 13/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T có chứa các dữ liệu (phù hợp với lời khai của các bị cáo, những người bị H thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng).

Hành vi của Nguyễn Thị H thu thập, tàng trữ, trao đổi thông tin về tài khoản ngân hàng nhằm mục đích bán thông tin về tài khoản cho các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G, Nguyễn Thị Thu H1, Vũ Văn T4 sau đó Q, T4, G, H1 đã chuyển các thông tin này cho nhân viên ngân hàng cần chỉ tiêu nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi của H, Q, G, T4, H1 được thu hút vào hành vi mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

Tổng số tiền mà H đã thu lợi bất chính được là 57.795.898 đồng. Đối với số tiền mà G, Q, T4 thu lợi bất chính sau khi đã chuyển lại cho H các bị cáo nhận được mức tiền cụ thể là từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/01 thông tin về tài khoản ngân hàng. Quá trình làm việc có cơ sở xác định số tiền thu lời được từ việc mua bán thông tin tài khoản ngân hàng của bị cáo Q là 3.670.000 đồng, của bị cáo G là 1.760.000 đồng và của bị cáo T4 là 840.000 đồng. Các bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Văn T4, Nguyễn Thị Trà G đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Tại văn bản số 3039/NHNNoTT ngày 22/4/2025 của Ngân hàng N5 xác định thông tin về tài khoản ngân hàng tại Điều 3 Nghị định 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài quy định: *“Thông tin về tài khoản của khách hàng là thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: tên tài khoản, số hiệu tài khoản, số dư tài khoản, thông tin liên quan đến giao dịch nộp, rút tiền, chuyển tiền nhận tiền của khách hàng và các thông tin có liên quan khác”*

Tại văn bản số 521/2025/CV-VPB ngày 20/01/2025 của Ngân hàng V1 trả lời: *“việc nhân viên ngân hàng cung cấp mã giới thiệu cho người không có thẩm quyền mở tài khoản ngân hàng để tạo tài khoản online cho khách hàng thì quy định của V2, quy trình mở tài khoản thanh toán và nhập mã DAO của cán bộ bán hàng (nếu có) phải do khách hàng tự thực hiện. Cán bộ bán hàng đóng vai trò giới thiệu, hướng dẫn khách hàng thực hiện các bước nếu có vướng mắc và hướng dẫn khách hàng nhập DAO nhằm ghi nhận chỉ tiêu sản phẩm; V2 không có văn bản chỉ đạo cán bộ bán hàng trả tiền cho người khác để mở tài khoản ngân hàng; việc cán bộ bán hàng trả tiền và cung cấp mã DAO cho người khác để mở tài khoản thanh toán là thỏa thuận và quan hệ dân sự của riêng cán bộ bán hàng và bên thứ ba... nhân viên V2 có thể tiếp nhận các yêu cầu liên quan đến khách hàng từ một bên thứ ba”*

Tại văn bản số 16736/VCB-BKTNB của ngân hàng TMCP N4 (VCB) ngày 18/9/2024; số 26792/2024/LPBank.PC&QLRR của ngân hàng TMCP L6 (L7) ngày 18/9/2024; số 8703/2024/CV-TGD 16 của ngân hàng TMCP H5 (MSB) ngày 16/9/2024; số 1405/BIDV.GLA-QLRR của ngân hàng TMCP Đ2 (B1) ngày 20/9/2024; số 5677/2024/CV-VPB của ngân hàng V1 (V2) ngày 26/9/2024; số 6551/2024/CV-BDH.NCB của ngân hàng TMCP Q1 (N3) ngày 30/9/2024 trả lời về các thông tin tài khoản ngân hàng được kích hoạt (phù hợp với thông tin về tài khoản ngân hàng mà Nguyễn Thị H thu thập, trao đổi, mua bán cho Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G và Vũ Văn T4.

Ngoài những thông tin về tài khoản ngân hàng mà Nguyễn Thị H đã thu thập, trao đổi và bán trái phép cho bị cáo Vũ Văn T4. Trong thời gian từ 31/3/2024 đến ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị H còn bán cho T4 05 thông tin tài khoản ví điện tử (M4, VN P) cho Vũ Văn T4. Tuy nhiên, những lần này, H chỉ cung cấp cho T4 số tài khoản ví, mật khẩu đăng nhập vào ví điện tử, không cung cấp các thông tin về tài khoản ngân hàng liên kết với ví. Ngoài ra, các thông tin về tài khoản ngân hàng liên kết với các ví điện tử này đã bị H mở trái phép cho khách hàng và bán cho G, Q trước đó. Do đó, T4 và H không phải chịu trách nhiệm hình sự ở 05 tài khoản ví điện tử này.

Đối với hành vi của Vũ Văn T4 mua của Nguyễn Thị Ngọc S (sinh năm 2007, trú tại xóm B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình) tổng cộng 71 thông tin về tài khoản ví điện tử (M, VN P) liên kết với các tài khoản ngân hàng, Trần Mai Á (sinh năm 2007, trú tại thôn N, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình) 34 thông tin về tài khoản ví điện tử (M, VN P) liên kết với các tài khoản ngân hàng, Lê Thị L5 (sinh năm 1998, trú tại thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) 35 thông tin về tài khoản ví điện tử (M, VN P) liên kết với các tài khoản ngân hàng. Sau đó, T4 chuyển các thông tin về tài khoản ví này cho Lê Hữu H3 (sinh năm 2004, trú tại tổ F, phường T, quận H, TP Hà Nội) và Phan Thị D2 (sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh). Tuy nhiên, các thông tin về tài khoản ví này đều được Sáng, Á, L5 nhận từ khách hàng trực tiếp mở theo hướng dẫn. Những khách hàng này đều được hưởng tiền từ người đầu trên (D2, H3, T4) chuyển về theo thỏa thuận qua những người trung gian (Á, S, L5). Khách hàng đều tự nguyện cung cấp các nguồn thông tin này. Việc tạo lập ví đã được khách hàng tự lập, liên kết với ngân hàng bất kỳ do khách hàng tự mở online qua ứng dụng. Các thông tin về tài khoản ngân hàng không phải là nội dung cần gửi trong quá trình chuyển giao ví. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị Ngọc S, Trần Mai Á, Lê Thị L5, Vũ Văn T4, Lê Hữu H3, Phan Thị D2 không cấu thành tội phạm ở các lần trao đổi, mua bán các thông tin về ví điện tử này.

Đối với Nguyễn Đình T2 (sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, là chồng của bị cáo Nguyễn Thị H) quá trình buôn bán tại cửa hàng có thu thập các thông tin về căn cước của khách hàng và ảnh chân dung nhưng nhằm mục đích đăng ký sim chính chủ cho khách hàng. Bản thân T2 không biết việc H thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán các thông tin về tài khoản ngân hàng nên không xem xét vai trò của T2 trong vụ án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu H1 khai báo sau khi nhận các thông tin về tài khoản ngân hàng do G chuyển đến thì H1 đã gửi các thông tin về tài khoản ngân hàng cho Vũ Anh D3, Nguyễn Thị Á1, Bùi Xuân T10, Nguyễn Thị X, Nguyễn Tiến H4, Trần Thị Y1 và Nguyễn Thị N2 đều là nhân viên ngân hàng V2 - chi nhánh B2. Kết quả tra cứu tại Ngân hàng V2 xác định không có các nhân viên ngân hàng nói trên làm việc tại V2 - chi nhánh B2. Do đó, không có cơ sở để làm việc với những người này.

Đối với nhân viên ngân hàng của các ngân hàng cung cấp mã nhân viên ngân hàng đồng thời mua các thông tin về tài khoản ngân hàng từ Phạm Văn Q, Vũ Văn T4 nhằm để đạt chỉ tiêu về hiệu quả công việc, không sử dụng, trao đổi, mua bán đối với các tài khoản trên với ai nên hành vi của những nhân viên ngân hàng không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, cần có chế tài xử lý đối với những nhân viên ngân hàng này trong việc không trực tiếp thu thập các thông tin từ khách hàng mà do bên thứ ba cung cấp.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Galaxy A25 5G, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị H);
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn Q);
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo reno 7, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Vũ Văn T4);
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Trà G);
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thu H1).

Được chuyển tới Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành để bảo quản và chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSTT ngày 02/06/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn Q, Vũ Văn T4, Nguyễn Thị Trà G, Nguyễn Thị Thu H1 về tội “*Mua bán trái phép tài khoản ngân hàng*” theo quy định Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 33 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 27 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà G từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 từ 06 tháng

đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T4 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Galaxy A25 5G, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị H); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn Q); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo reno 7, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Vũ Văn T4); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Trà G); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thu H1).

Đối với số tiền các bị cáo thu lời được từ hành vi mua bán thông tin tài khoản ngân hàng đây là số tiền có được từ hành vi phạm tội đề nghị HĐXX truy thu của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cụ thể; Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 57.795.898 đồng, truy thu của bị cáo Phạm Văn Q số tiền 3.670.000 đồng, truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Trà G số tiền 1.760.000 đồng và truy thu của bị cáo Vũ Văn T4 thu lợi số tiền 840.000 đồng. Các bị cáo Q, G, T4 đã nộp toàn bộ số tiền trên tại chi cục thi hành án nên cần được trừ vào số tiền phải truy thu.

Khóa tất cả các tài khoản bị cáo Nguyễn Thị H đã thu thập mở tài khoản trái phép để bán cho các bị cáo Vũ Văn T4, Nguyễn Thị Trà G, Phạm Văn Q.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh tụng, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2024 đến ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với Phạm Văn Q 367 thông tin, Nguyễn Thị Trà G 176 thông tin, Vũ Văn T4 84 thông tin. Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G và Vũ Văn T4 sau khi mua được thông tin tài khoản ngân hàng đã bán lại cho các nhân viên ngân hàng. Tổng số thông tin về tài khoản ngân hàng mà H đã bán là 627 thông tin; Q đã mua, bán 367 thông tin, G đã mua bán 176 thông tin, T4 đã mua, bán 84 thông tin tài khoản ngân hàng. Nguyễn Thị H đã thu lợi bất chính tổng số tiền 57.795.898 đồng, Q thu lợi số tiền 3.670.000 đồng, G thu lợi số tiền 1.760.000 đồng và T4 thu lợi số tiền 840.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn Q đã phạm vào tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Trà G, Vũ Văn T4 đã phạm vào tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Thị Thu H1 biết rõ việc mua bán tài khoản ngân hàng của G nhưng H1 đã giúp G chuyển các hình ảnh về thông tin tài khoản ngân hàng này cho các nhân viên ngân hàng, nhận tiền từ nhân viên ngân hàng chuyển đến để chuyển lại cho G nên H1 đồng phạm với G về tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn giữa bị cáo Nguyễn Thị H và các bị cáo Q, G, T4 cùng thực hiện. Trong đó, H là người trực tiếp thu thập trái phép các thông tin về tài khoản ngân hàng để bán cho Q, G, T4 nên bị cáo H có vai trò thứ nhất trong vụ án. Còn Q, G, T4 là người liên hệ, hướng dẫn các thao tác để H thu thập, trao đổi, mua bán trái phép các thông tin về tài khoản ngân hàng nên các bị cáo có vai trò ngang nhau và sau bị cáo H. Bị cáo H1 có vai trò giúp sức cho bị cáo G trong việc bị cáo G mua bán trái phép thông tin tài khoản ngân hàng.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo G, T4, H1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, Q, T4, G có tình tiết giảm nhẹ là “*Đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Q có thêm tình tiết “*tham*

gia quân ngũ và được tặng giấy khen”, “bị cáo có bác ruột là liệt sỹ mà bị cáo và gia đình trực tiếp thờ cúng”, bị cáo H có “bố chồng được Nhà nước tặng huy chương hạng nhì”, bị cáo T4 “có ông ngoại là thương binh và có bác ruột là liệt sỹ mà bị cáo và gia đình trực tiếp thờ cúng”, bị cáo G “quá trình học tập được tặng giấy khen” , các bị cáo G, T4, Q trước khi tòa án xét xử đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thạch Thành. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm phạm đến các quy định về trật tự quản lý nhà nước trên lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[6]. Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo chỉ vì mục đích lợi nhuận nên nhất thời phạm tội. Bị cáo G, T4, H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có tài sản và không có thu nhập đáng kể nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Galaxy A25 5G, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị H); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn Q); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo reno 7, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Vũ Văn T4); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Trà G); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thu H1) Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền các bị cáo thu lời được từ hành vi mua bán thông tin tài khoản ngân hàng đây là số tiền có được từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước cụ thể; Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 57.795.898 đồng, truy thu của bị cáo Phạm Văn Q số tiền 3.670.000 đồng, truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Trà G số tiền 1.760.000 đồng và truy thu của bị cáo Vũ Văn T4 thu lợi số

tiền 840.000 đồng. Các bị cáo Q, G, T4 đã nộp toàn bộ số tiền trên tại chi cục thi hành án nên cần được trừ vào số tiền phải truy thu.

[9]. Đối với 627 tài khoản ngân hàng do Nguyễn Thị H thu thập trái phép để bán cho các bị cáo khác. Quá trình điều tra đã làm rõ các tài khoản trên đều do Nguyễn Thị Hoa lợi D1 việc khách hàng làm sim chính chủ tại gia đình mình để tự thực hiện mở mà chủ tài khoản không biết. Các tài khoản sau khi H bán cho các bị cáo khác và các bị cáo khác bán cho nhân viên ngân hàng để tính chỉ tiêu trong công tác. Sau khi mở tài khoản thì các bị cáo không sử dụng tài khoản đã mở. Do đó cần yêu cầu các Ngân hàng liên kết khóa các tài khoản này là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 291 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G, Nguyễn Thị Thu H1, Vũ Văn T4 phạm tội “*Mua bán trái phép tài khoản ngân hàng*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà G 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T4 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Trà G cho UBND xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 cho UBND phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Văn T4 cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Galaxy A25 5G, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị H); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Văn Q); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo reno 7, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Vũ Văn T4); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Trà G); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, vỏ màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thu H1). Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 17/06/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T và chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 57.795.898 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi tám đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Phạm Văn Q số tiền 3.670.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 3.670.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0001774 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo Phạm Văn Q đã nộp đủ số tiền truy thu.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Trà G số tiền 1.760.000 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 1.760.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0001775 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo Nguyễn Thị Trà G đã nộp đủ số tiền truy thu.

Truy thu của bị cáo Vũ Văn T4 số tiền 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 840.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0001773 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo Vũ Văn T4 đã nộp đủ số tiền truy thu.

Khóa 627 tài khoản ngân hàng (Thông tin và các tài khoản thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án) bị cáo Nguyễn Thị H đã thu thập mở tài khoản trái phép. Yêu cầu Ngân hàng TMCP Q1 (N3); Ngân hàng TMCP Đ2 (B1); Ngân hàng TMCP H5 (M1); Ngân hàng TMCP L6 (L7); Ngân hàng TMCP N4 (VCB); Ngân hàng TMCP V1 (V3); Ngân hàng TMCP T12 (T13); Ngân hàng TMCP Q2 (MB); Ngân hàng TNHH một thành viên S1 khóa các tài khoản mở tại ngân hàng của mình có thông tin cụ thể tại 03 Phụ lục (Phụ lục 01; phụ lục 02; phụ lục 03) kèm theo bản án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Trà G, Vũ Văn T4, Nguyễn Thị Thu H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA hình sự công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Hải

